

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 615/2024/DS-ST
Ngày : 10/ 9 /2024
V/v “ Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 – TP. HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Trí.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

- 1./ Ông Nguyễn Văn Quân
- 2./ Ông Võ Văn Tốt

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 :* Bà Lương Thị Lan - Kiểm sát viên.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thống - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 12 – Tp ..

Vào ngày 10 tháng 9 năm 2024 , tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 419/2024/TLST-DS ngày 22/5/2024 về việc “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1079/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1339/2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ trụ sở: 266- B N, phường V, Quận C, Tp ..

Đại diện ủy quyền: Ông Lã Ngọc M, sinh năm 1970 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

- Bị đơn: Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1982 (Vắng mặt);

Địa chỉ thường trú: Khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ tạm trú: số B Tổ D, Khu phố G, phường H, Quận A, Tp ..

NỘI DUNG VỤ ÁN :

** Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 5 năm 2024 và các lời khai trong quá*

trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày :

Ngày 20/08/2020, bà Trần Thị Thanh T có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng— các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của Trần Thị Thanh T, Ngân hàng đã đồng ý cấp Thẻ tín dụng số 472074-6811 với hạn mức sử dụng là 30.000.000đ, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Trần Thị Thanh T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 57.940.000đ.

Trong quá trình sử dụng Thẻ tín dụng, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Trần Thị Thanh T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 61.722.466đ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Trần Thị Thanh T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/11/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng Thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện K hành sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 17,710,014 đồng làm nợ gốc và tính lãi hàng tháng trên dư nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại, lãi suất trong hạn là 2,77%/tháng X 150%= 4,16%/tháng lãi quá hạn).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà T, yêu cầu bà T có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà T trả nợ, tuy nhiên bà T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của ngân hàng, Ngân Hàng TMCP S khởi kiện bà Trần Thị Thanh T, đề nghị Tòa án nhân dân Quận 12 giải quyết buộc bà Trần Thị Thanh T phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/09/2024 là 36.461.023 đ, trong đó nợ gốc là 17.710.014đ, nợ lãi là 18.751.009đ theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 20/8/2020 đã ký kết và tiếp tục tính tiền nợ gốc, lãi từ ngày 11/9/2024 cho đến khi bà M1 thanh toán xong các khoản nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hạn giải quyết vụ án thì chưa đảm bảo, cần xem xét rút

kinh nghiệm. Về việc giải quyết nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền vay tại hợp đồng tín dụng đã ký kết nên đây là “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”. Bà Trần Thị Thanh T có địa chỉ cư trú tại số B Tổ D, Khu phố G, phường H, Quận A, Tp.HCM nên theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Về thủ tục tố tụng :*

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (Đại diện uỷ quyền ông Lã Ngọc M) có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Trần Thị Thanh T vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định pháp luật.

Về nội dung hợp đồng:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải đưa ra chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp. Khoản 2 Điều 92 BLTTDS quy định một bên không phản đối tình tiết bên kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và thông báo hòa giải nhưng đã không gửi văn bản phản đối những tình tiết bên nguyên đơn đưa ra. Như vậy bên nguyên đơn không phải chứng minh những tình tiết nguyên đơn đưa ra là chứng cứ. Từ đó:

Xét yêu cầu thanh toán nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 28/09/2019 giữa Ngân hàng và bà Trần Thị Thanh T, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định giữa hai bên Ngân hàng và bà T đã có ký kết hợp đồng tín dụng. Đây là hợp đồng dân sự được hai bên Ngân hàng và bà T giao kết một cách tự nguyện.

Tính đến ngày 10/9/2024, bà T còn nợ Ngân hàng theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 20/8/2020 tổng cộng là 36.461.023đ, trong đó nợ gốc là 17.710.014đ, nợ lãi là 18.751.009đ.

Theo quy định tại Điều 91 Luật Các Tổ Chức Tín Dụng năm 2010, hai bên có quyền thỏa thuận về lãi suất theo quy định của pháp luật, nên những thỏa thuận giữa bà T và Ngân hàng về lãi suất là phù hợp pháp luật do đó chấp nhận.

Bị đơn bà T không thanh toán tiền gốc và lãi theo đúng Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 20/8/2020 nên bà T phải trả cho Ngân hàng tổng cộng số nợ tính đến ngày 10/9/2024 là 36.461.023đ và tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 11/9/2024 cho đến khi trả dứt nợ gốc và lãi theo như thỏa thuận trong hợp đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí là 1.823.051đ (Một triệu, tám trăm hai mươi ba nghìn, không trăm năm mươi một đồng);

Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 117, 119, 298, 299, 317, 318, 323, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 4, Điều 90, Điều 91 của Luật các tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Trần Thị Thanh T phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tính đến ngày 10/9/2024 tổng cộng là 36.461.023đ, trong đó nợ gốc là 17.710.014đ, nợ lãi là 18.751.009đ, theo theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 20/8/2020 ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ tiếp tục được điều chỉnh trong giai đoạn thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị Thanh T phải chịu án phí là 1.823.051đ (Một triệu, tám trăm hai mươi ba nghìn, không trăm năm mươi một đồng);

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 816.615đ (Tám trăm mười sáu nghìn, sáu trăm mười lăm đồng), tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0022498 ngày 22/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày được tính kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát trực tiếp cấp trên là 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 ;
- Thi hành án dân sự Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Trí